

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ
DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

Mã số: 78 10 103

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35
I.1	Bắt buộc	33
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Kiến thức Toán, KHTN, KHXH	6
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	26
II.1	Bắt buộc	24
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	52
III.1	Bắt buộc	42
III.2	Tự chọn	10
IV	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	13
-	Thực tập 1	3
-	Thực tập 2	5
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		126

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35				
I.1		Bắt buộc	33				
1	DPT319	Triết học Mác - Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					
6	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
7	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/ TL	Tự học	
8	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	
9	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
17	TAC202	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	20	20	60	
18	BAD239	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	20	20	60	
19	GEO201	Môi trường và phát triển bền vững	2	20	20	60	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
20	HIS203	Đại cương lịch sử Việt Nam	2*	20	20	60	
	PHI204	Cơ sở ngôn ngữ văn tự Hán Nôm	2*	20	20	60	
	HIS202	Lịch sử văn minh thế giới	2*	20	20	60	
	DPT204	Logic học đại cương	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	26				
II.1		Bắt buộc	24				
21	TAC306	Tổng quan du lịch	3	30	30	90	
22	TAC207	Pháp luật du lịch	2	20	20	60	
23	ECO228	Kinh tế du lịch 1	2	20	20	60	
24	GEO354	Địa lí du lịch	3	30	30	90	
25	BAD263	Quản trị marketing du lịch	2	20	20	60	
26	TAM214	Phương pháp NCKH chuyên ngành Du lịch	2	20	20	60	
27	TAC208	Tâm lí và giao tiếp ứng xử trong du lịch	2	20	20	60	
28	BAD240	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	2	20	20	60	
29	GET231	Tiếng Anh thư tín thương mại	2	20	20	60	
30	TAM201	Tổ chức sự kiện	2	20	20	60	
31	BAD256	Khởi nghiệp	2	20	20	60	
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
32	TAC204	Nghệp vụ văn phòng	2*	20	20	60	
	TAC205	Lịch sử văn hóa địa phương	2*	20	20	60	
	TAM202	Thương mại điện tử trong du lịch	2*	20	20	60	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	52				
III.1		Bắt buộc	42				
33	TAC309	Tuyển, điểm du lịch	3	30	30	90	
34	TAC328	Nghệp vụ hướng dẫn	3	30	30	90	
35	TAC345	Nghệp vụ lữ hành	3	30	30	60	
36	TAM221	Du lịch quốc tế	2	20	20	60	
37	TAM222	Thực hành nghiệp vụ lữ hành - hướng dẫn	2	10	40	50	
		Chọn 1 ngoại ngữ					
38 39	TAC379	Tiếng Anh du lịch 1	3	30	30	60	
	TAC380	Tiếng Anh du lịch 2	3	30	30	60	
	LCC372	Tiếng Trung du lịch 1	3	30	30	90	
	LCC373	Tiếng Trung du lịch 2	3	30	30	90	
40	TAM223	Thực tế chuyên đề lữ hành 1 (Miền Trung)	2	6	48	46	
41	TAM224	Thực tế chuyên đề lữ hành 2 (Xuyên Việt)	2	6	48	46	
42	TAC313	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	30	30	90	
43	TAC243	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	20	20	60	
44	TAM231	Quản trị điểm đến	2	20	20	60	
45	TAM205	Quản trị quan hệ khách hàng	2	20	20	60	
46	TAM208	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	20	20	60	
47	TAM215	Kiến tập cơ sở	2	20	20	60	
48	TAM213	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2	20	20	60	
49	TAM217	Hoạt náo và diễn giảng công cộng	2	20	20	60	
50	TAM216	Quản trị dự án du lịch	2	20	20	60	
III.2		Tự chọn (Chọn 5 học phần)	10				
51 52 53 54 55	TAM225	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch	2*	20	20	60	
	BAD237	Xúc tiến du lịch	2*	20	20	60	
	TAM226	Hành vi người tiêu dùng	2*	20	20	60	
	TAM218	Quản trị du lịch MICE	2*	20	20	60	
	TAC250	PR và truyền thông sự kiện	2*	20	20	60	
	TAM210	Quản trị thương hiệu	2*	20	20	60	
	TAM227	Du lịch bền vững	2*	20	20	60	
	TAM228	Du lịch sinh thái	2*	20	20	60	
	TAC232	Du lịch văn hóa	2*	20	20	60	
	TAC226	Văn hóa ẩm thực	2*	20	20	60	
IV		THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	13				
56	TAC381	Thực tập 1	3		90	60	

AN
ĐNG
HOC
VUON

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/ TL	Tự học	
57	TAC582	Thực tập 2	5		150	100	
58	TAM529	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	
		Học phần chuyên môn thay thế Đề án tốt nghiệp	5				
59	TAC338	Tài nguyên du lịch	3	30	30	90	
60	TAM230	Chuyên đề hướng dẫn du lịch nâng cao	2	20	20	60	
Tổng:			126				

